



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC
LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

A member of  international

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC
LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

		Trang
PHẦN I	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	02 - 34
	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
	Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính	04 - 05
	Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 34
	Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 34
PHẦN II	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	35 - 36
PHẦN III	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ	37 - 38
PHẦN IV	THƯ QUẢN LÝ	39 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty TNHH MTV (100% vốn nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 14 Quang Trung - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Tuấn Chủ tịch Công ty

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Tuấn Giám đốc
Ông Võ Quốc Trang Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Tuân
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2855, quyển số 06, TP/CCSCT/SGT
Ngày 08, tháng 12, năm 2017.
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Đoàn Quang Lưu



Số: 1.794/2017/BC.KTTC-AASC.KT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Lâm Đồng

Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Lâm Đồng, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực báo cáo tài chính riêng này phù hợp với các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Trách nhiệm này bao gồm việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cần thiết nhằm đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không còn các sai sót trọng yếu gây ra do gian lận hay sai sót.

Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đánh giá khả năng hoạt động liên tục của công ty, trình bày các vấn đề liên quan đến khả năng hoạt động liên tục khi cần thiết, và lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp Ban Giám đốc công ty có ý định chấm dứt hoạt động, hoặc bị buộc chấm dứt hoạt động

Trách nhiệm của Kiểm toán viên đối với việc kiểm toán báo cáo tài chính riêng

Mục tiêu của chúng tôi trong cuộc kiểm toán là thu thập đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng, xét trên khía cạnh tổng thể, có được lập không có sai sót trọng yếu, do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi trong báo cáo kiểm toán độc lập. Đảm bảo hợp lý là sự đảm bảo ở mức độ cao, nhưng không chắc chắn rằng cuộc kiểm toán được thực hiện tuân thủ theo ISAs sẽ luôn phát hiện ra sai sót trọng yếu còn tồn tại. Các sai sót có thể phát sinh do gian lận hoặc nhầm lẫn và được coi là trọng yếu nếu, khi xét riêng rẽ hay tổng hợp lại, sai sót đó có thể gây ảnh hưởng tới quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính riêng được đưa ra dựa trên báo cáo tài chính riêng này.

Trong cuộc kiểm toán tuân thủ với ISAs, chúng tôi thực hiện các xét đoán chuyên môn và duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong suốt cuộc kiểm toán. Chúng tôi cũng thực hiện:

- Phát hiện và đánh giá đánh giá rủi ro về việc báo cáo tài chính riêng có chứa đựng những sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp với các rủi ro này và thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi. Rủi ro không phát hiện sai sót trọng yếu do gian lận được đánh giá là cao hơn so với rủi ro không phát hiện sai sót trọng yếu do nhầm lẫn, vì gian lận có thể hình thành từ việc thông đồng, giả mạo, cố ý bỏ sót, hiểu sai hoặc không chế kiểm soát nội bộ.

- Thu thập các hiểu biết thích hợp về kiểm soát nội bộ liên quan đến cuộc kiểm toán nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nhưng không phục vụ mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty.
- Đánh giá tính hợp lý của các chính sách kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng, cũng như đánh giá các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng của công ty.
- Kết luận về tính phù hợp trong việc sử dụng giả định hoạt động liên tục của công ty và, dựa trên các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được, kết luận liệu có tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có liên quan đến các sự kiện hoặc điều kiện có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty hay không. Nếu chúng tôi kết luận có tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu, thì trong báo cáo kiểm toán độc lập, chúng tôi phải lưu ý đến các thuyết minh có liên quan của báo cáo tài chính riêng hoặc, nếu yếu tố này không được thuyết minh đầy đủ, chúng tôi phải sửa đổi ý kiến kiểm toán của mình. Kết luận của chúng tôi dựa trên các bằng chứng kiểm toán thu thập được cho đến ngày của báo cáo kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, các sự kiện hoặc điều kiện tương lai có thể dẫn đến việc công ty phải ngừng hoạt động liên tục
- Đánh giá việc trình bày tổng thể, cấu trúc và nội dung của báo cáo tài chính riêng, bao gồm các thuyết minh, và việc liệu báo cáo tài chính riêng có trình bày các giao dịch và các sự kiện một cách hợp lý.

Chúng tôi đã trao đổi với Ban Giám đốc công ty, cũng với các vấn đề khác, về phạm vi và lịch trình cuộc kiểm toán theo kế hoạch và các phát hiện quan trọng từ cuộc kiểm toán, bao gồm các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà chúng tôi phát hiện được trong quá trình kiểm toán.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0762-2013-002-1

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số hồ sơ: 256, quyền số: 06, TP/CCSCT/SGT

Ngày: 08 tháng 12 năm 2017

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Đoàn Quang Lưu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.218.200.200	107.668.724.226
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.230.639.876	12.620.404.678
111	1. Tiền		15.230.639.876	8.620.404.678
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	4.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	25.000.000.000	
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		25.000.000.000	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.387.323.015	73.547.748.527
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.907.368.948	4.761.608.200
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.241.161.910	66.572.264.940
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.843.444.801	2.984.421.062
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(604.652.644)	(770.545.675)
140	IV. Hàng tồn kho	9	19.101.847.666	16.832.353.766
141	1. Hàng tồn kho		19.265.338.333	17.001.669.682
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(163.490.667)	(169.315.916)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.498.389.643	4.668.217.255
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	40.828.319	33.388.184
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.684.786.364	3.531.668.709
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	772.774.960	1.103.160.362
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		726.197.724.683	591.591.450.472
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.450.999	1.450.999
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.450.999	1.450.999
220	II. Tài sản cố định		420.664.201.066	335.337.982.579
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	420.032.632.481	334.691.621.758
222	- Nguyên giá		637.867.461.563	530.460.686.113
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(217.834.829.082)	(195.769.064.355)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	631.568.585	646.360.821
228	- Nguyên giá		1.078.417.842	1.078.417.842
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(446.849.257)	(432.057.021)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		292.991.727.733	204.960.448.180
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	292.991.727.733	204.960.448.180
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	8.294.000.000	46.318.245.290
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.255.000.000	25.758.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.039.000.000	20.567.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(6.754.710)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.246.344.885	4.973.323.424
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.246.344.885	4.973.323.424
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		812.415.924.883	699.260.174.698



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		331.371.321.153	269.466.232.434
310	I. Nợ ngắn hạn		69.404.050.215	41.216.070.003
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	41.296.772.899	18.281.500.726
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		148.759.650	497.340.850
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà, nước	15	530.351.751	34.298.717
314	4. Phải trả người lao động		7.057.712.611	9.053.261.059
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.021.210.307	1.326.245.364
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.991.585.530	3.144.722.131
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	5.962.000.000	5.962.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.395.657.467	2.916.701.156
330	II. Nợ dài hạn		261.967.270.938	228.250.162.431
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	400.225.922	359.224.711
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	260.994.868.294	227.696.681.948
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		572.176.722	194.255.772
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		481.044.603.730	429.793.942.264
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	385.781.064.661	326.897.534.533
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		187.616.176.484	208.119.176.484
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		543.607.360	543.607.360
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		17.542.780	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.749.546.880	306.989.292
419	5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		665.150.206	-
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		195.189.040.951	117.927.761.397
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		95.263.539.069	102.896.407.731
431	1. Nguồn kinh phí	20	680.028.407	1.182.631.914
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	21	94.583.510.662	101.713.775.817
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		812.415.924.883	699.260.174.698

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 215, quyển số 06, TP/CCSCT/SGT

Ngày 08 tháng 12 năm 2017

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU

Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nguyễn Văn Dũng





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG


Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	170.746.423.853	160.198.975.374
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.746.423.853	160.198.975.374
11	3. Giá vốn hàng bán	24	139.301.237.493	135.396.040.104
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.445.186.360	24.802.935.270
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	9.156.274.186	1.504.390.398
22	6. Chi phí tài chính	26	9.482.104.080	2.443.199.701
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.408.858.790	2.428.074.444
25	7. Chi phí bán hàng	27	4.480.882.446	3.949.514.872
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	16.211.712.953	16.063.762.089
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.426.761.067	3.850.849.006
31	10. Thu nhập khác	29	6.349.056.981	1.370.517.303
32	11. Chi phí khác	30	4.552.399.381	855.981.781
40	12. Lợi nhuận khác		1.796.657.600	514.535.522
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.223.418.667	4.365.384.528
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	2.462.105.222	834.447.849
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.761.313.445	3.530.936.679

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 856... quyền số 06... TP/CCSCT/SGT
Ngày 08... tháng 12... năm 20... 17
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU
Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nguyễn Văn Dũng



Võ Quang Tuấn





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		180.004.919.356	176.688.708.968
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(142.387.637.437)	(186.729.270.015)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.518.769.303)	(43.070.679.619)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(6.801.013.066)	(480.450.393)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.121.981.892)	(916.776.640)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (*)		115.136.394.505	139.737.199.233
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.098.554.129)	(74.342.876.397)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		66.213.358.034	10.885.855.137
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(91.351.333.370)	(93.665.184.607)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25.000.000.000)	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.046.309.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.386.172.408	2.877.834.510
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(89.918.851.962)	(90.787.350.097)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		39.260.186.318	95.248.603.301
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.961.999.972)	(12.680.039.750)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(309.792.046)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.298.186.346	82.258.771.505
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		9.592.692.418	2.357.276.545
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.620.404.678	10.138.146.612
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.542.780	124.981.521
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	22.230.639.876	12.620.404.678

(*) Bao gồm Nguồn vốn đối ứng nhận từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện Tiểu Dự án Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt và Tiểu Dự án Xây dựng Hệ thống thoát nước và thu gom xử lý nước thải thành phố Đà Lạt.

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2859, quyển số 05 TP/CCSCT/SGT

Ngày 05 tháng 12 năm 2017

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU

Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nguyễn Văn Dũng

Võ Quang Tuấn



Đoàn Quang Lưu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty TNHH MTV (100% vốn Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND, ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty chính thức hoàn tất pháp lý theo quy định của Luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/2005 (chứng nhận lần đầu), đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Số 14 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và Quyết định bổ sung tăng vốn điều lệ số 2852/QĐ-UBND, ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì vốn điều lệ của Công ty là 183.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2016 vốn điều lệ ghi nhận theo sổ sách của Công ty là 187.616.176.484 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh xây lắp, thương mại dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; Sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy nước Đà Lạt	Thành Phố Đà Lạt	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy Nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy Nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương	Sản xuất, kinh doanh nước

35 -
TY
HUI
MTC
SC
M-V



Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Nước Đạ Huoai	Thị trấn Madaguoil, huyện Đạ Huoai	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy Nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông	Sản xuất, kinh doanh nước
Xí nghiệp cấp nước Đà Lạt	Thành Phố Đà Lạt	Sản xuất, kinh doanh nước
Xí nghiệp Quản lý nước thải	Thành phố Đà Lạt	Quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;



- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng công trình chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

105
TY
HUU
MTC
SC
TP
NG
UN
3LL
AM

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước vào thời điểm ghi nhận chỉ số nước (thường không trùng khớp với thời điểm kết thúc niên độ).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

T. T. N. H. H.
M. O. I.

11/01/2017

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính,... Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	101.590.041	166.597.411
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.129.049.835	8.453.807.267
Các khoản tương đương tiền ^[*]	7.000.000.000	4.000.000.000
	<u>22.230.639.876</u>	<u>12.620.404.678</u>

[*] Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt với lãi suất 5%/năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Đức Trọng	Lâm Đồng	32%	32%	Cấp thoát nước và xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	Lâm Đồng	25%	25%	Cấp thoát nước và xây dựng

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên kết:

- Trong năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng với giá chuyển nhượng 13.000 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 25.126.309.000 VND.

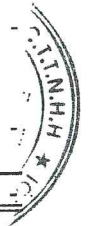
Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: *Xem Thuyết minh 38.*

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	772.307.779	772.307.779
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.135.061.169	3.989.300.421
	3.907.368.948	4.761.608.200

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Seen	-	-	25.307.682.471	-
- Liên doanh Bạch Đằng - Thủy Lợi 1 Nghệ An	4.604.069.273	-	17.866.275.493	-
- Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	-	-	6.974.558.457	-
- Công ty Cổ phần Hà Huy	-	-	3.458.759.872	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Phát triển Kiến trúc Đô thị	-	-	5.087.957.658	-
- Đối tượng khác	637.092.637	-	7.877.030.989	-
	5.241.161.910	-	66.572.264.940	-



7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	67.292.000	-	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376.681.667	-	204.888.889	-
Phải thu về tạm ứng	148.634.095	-	164.881.475	-
Phải thu về Bảo hiểm xã hội	129.381.327	-	15.886.845	-
Phải thu khác	1.121.455.712	-	2.598.763.853	-
- <i>Phải thu Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng</i>	44.737.476	-	1.240.903.476	-
- <i>Phải thu Ngân sách chi phí quản lý lồng hồ ĐaiKia</i>	-	-	235.312.847	-
- <i>Phải thu Ngân sách chi phí của Xi nghiệp Quản lý nước thải</i>	-	-	168.523.273	-
- <i>Phải thu về thuế TNCN</i>	96.761.438	-	63.082.316	-
- <i>Phải thu vật tư dự phòng đội thi công tuyến ống</i>	194.811.870	-	228.347.070	-
- <i>Phải thu Công ty TNHH Hiệp Lực</i>	429.326.634	-	429.326.634	-
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	355.818.294	-	233.268.237	-
	1.843.444.801	-	2.984.421.062	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.450.999	-	1.450.999	-
	1.450.999	-	1.450.999	-

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ban quản lý chợ Đà Lạt	106.011.621	-	106.011.621	-
Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt	156.476.000	-	156.476.000	-
Trường Mỹ Quang	105.510.000	-	105.510.000	-
Đối tượng khác	236.655.023	-	402.548.054	-
	604.652.644	-	770.545.675	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.601.129.407	163.490.667	14.407.458.526	169.315.916
Công cụ, dụng cụ	1.019.709.954	-	1.699.835.133	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.644.498.972	-	894.376.023	-
	19.265.338.333	163.490.667	17.001.669.682	169.315.916

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	40.828.319	33.388.184
	40.828.319	33.388.184
b) Dài hạn		
- Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	1.216.659.499	2.822.975.779
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.029.685.386	1.743.432.869
- Chi phí sửa chữa lớn	-	406.914.776
	4.246.344.885	4.973.323.424

7/7
 HỒ
 HU
 NG
 LP

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	73.664.223.297	187.031.840.412	214.853.813.001	12.826.165.107	42.084.644.296	530.460.686.113
- Mua trong năm	-	1.583.304.622	-	1.706.112.831	30.636.364	3.320.053.817
- Đầu tư XDCB hoàn thành	245.664.546	-	104.261.361.706	-	867.013.704	105.374.039.956
- Giảm do di dời nhà máy nước Hồ Xuân Hương	(577.166.851)	(432.598.804)	-	(277.552.668)	-	(1.287.318.323)
Số dư cuối năm	73.332.720.992	188.182.546.230	319.115.174.707	14.254.725.270	42.982.294.364	637.867.461.563
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.354.850.591	86.750.561.478	66.573.177.524	9.989.420.638	4.101.054.124	195.769.064.355
- Khấu hao trong năm	8.263.678.470	1.596.397.798	10.575.559.071	1.041.302.697	1.607.972.289	23.084.910.325
- Giảm do di dời nhà máy nước Hồ Xuân Hương	(385.514.371)	(400.518.198)	-	(233.113.029)	-	(1.019.145.598)
Số dư cuối năm	36.233.014.690	87.946.441.078	77.148.736.595	10.797.610.306	5.709.026.413	217.834.829.082
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	45.309.372.706	100.281.278.934	148.280.635.477	2.836.744.469	37.983.590.172	334.691.621.758
Tại ngày cuối năm	37.099.706.302	100.236.105.152	241.966.438.112	3.457.114.964	37.273.267.951	420.032.632.481

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 50.226.730.726 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	737.591.000	340.826.842	1.078.417.842
Số dư cuối năm	737.591.000	340.826.842	1.078.417.842
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	91.230.179	340.826.842	432.057.021
- Khấu hao trong năm	14.792.236	-	14.792.236
Số dư cuối năm	106.022.415	340.826.842	446.849.257
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	646.360.821	-	646.360.821
Tại ngày cuối năm	631.568.585	-	631.568.585

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tiêu dự án Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước Thành phố Đà Lạt ^[1]	118.942.138.546	153.978.237.327
- Tiêu dự án Xây dựng Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải Thành phố Đà Lạt ^[2]	170.171.265.672	47.497.336.057
- Các dự án khác	3.878.323.515	3.484.874.796
	292.991.727.733	204.960.448.180

^[1] Tiêu dự án Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt với mục tiêu: Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt nhằm giải quyết những bất cập về cơ sở hạ tầng đô thị, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho các nhu cầu phát triển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Lạt. Tổng mức đầu tư được duyệt là 349.208.368.220 VND (tương đương 19.389.693 USD) được tài trợ bởi nguồn vốn vay IDA và IBRD của Ngân hàng Thế giới (69,52%) và vốn đối ứng từ Ngân sách (30,48%). Thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020.

^[2] Tiêu dự án Xây dựng Hệ thống thoát nước và thu gom xử lý nước thải thành phố Đà Lạt với mục tiêu: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt nhằm giải quyết những bất cập về cơ sở hạ tầng đô thị, từng bước cải thiện môi trường đô thị, góp phần phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Tổng mức đầu tư được duyệt là 390.724.735.604 VND (tương đương 21.694.877 USD) sử dụng nguồn vốn vay IDA của Ngân hàng Thế giới (69,52%) và đối ứng từ Ngân sách (30,48%). Thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đankia	8.605.101.805	8.605.101.805	7.917.681.675	7.917.681.675
- Công ty CP Kỹ thuật Seen	24.842.440.033	24.842.440.033	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	7.849.231.061	7.849.231.061	10.363.819.051	10.363.819.051
	41.296.772.899	41.296.772.899	18.281.500.726	18.281.500.726

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	nộp trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	40.800.295	-	-	27.725.435	68.525.730	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	859.720.854	-	2.462.105.222	2.121.981.892	533.163.239	13.565.715
Thuế thu nhập cá nhân	202.639.213	-	106.069.046	74.515.824	171.085.991	-
Thuế tài nguyên	-	20.097.814	851.248.733	804.164.889	-	67.181.658
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.183.009	3.183.009	-	-
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.200.903	13.896.730.250	13.461.326.775	-	449.604.378
	1.103.160.362	34.298.717	17.332.336.260	16.505.897.824	772.774.960	530.351.751

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.995.046.148	223.323.789
- Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	1.026.164.159	1.102.921.575
	3.021.210.307	1.326.245.364

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	243.413.678	85.814.692
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.748.171.852	3.058.907.439
- Phải trả thù lao kiểm soát viên không chuyên trách	-	17.139.999
- Phải trả tiền nhận được cho hạng mục Quy trình vận hành, đánh giá an toàn đập Đankia và Tuyền Lâm	-	144.130.000
- Phải trả khoản WB giải ngân cho dự án cấp nước Đà Lạt	267.629.827	921.825.502
- Phải trả khoản WB giải ngân cho dự án thoát nước Đà Lạt	1.389.445.330	1.389.445.530
- Chênh lệch tỷ giá của BQLDA cấp và thoát nước Đà Lạt	155.991.185	123.289.811
- Lãi tiền gửi của BQLDA Cấp và thoát nước Đà Lạt	-	1.330.764
- Phải trả về khoản kinh phí phục vụ lập hồ sơ cấp phép xả thải của Xí nghiệp quản lý nước thải	731.676.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	203.429.510	461.745.833
	2.991.585.530	3.144.722.131
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	400.225.922	359.224.711
	400.225.922	359.224.711



18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000
<i>Vay WorldBank - Tiểu dự án Cấp nước Lâm Đồng</i>	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000
	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000
b) Vay dài hạn						
Tiền Việt Nam	233.611.441.481	233.608.965.523	39.229.612.608	5.961.999.972	266.879.054.117	266.879.054.117
- Bộ Tài chính	233.611.441.481	233.608.965.523	39.229.612.608	5.961.999.972	266.879.054.117	266.879.054.117
<i>Vay WorldBank - Tiểu dự án Cấp nước Lâm Đồng ^[1]</i>	86.447.918.345	86.447.918.345	-	5.961.999.972	80.485.918.373	80.485.918.373
<i>Vay WorldBank - Dự án cấp nước Đà Lạt ^[2]</i>	147.163.523.136	147.161.047.178	39.229.612.608	-	186.393.135.744	186.393.135.744
Tiền USD						
- Bộ Tài chính	47.240.467	47.240.467	30.573.710	-	77.814.177	77.814.177
	47.240.467	47.240.467	30.573.710	-	77.814.177	77.814.177
	233.658.681.948	233.656.205.990	39.260.186.318	5.961.999.972	266.956.868.294	266.956.868.294
	(5.962.000.000)	(5.962.000.000)	(5.962.000.000)	(5.962.000.000)	(5.962.000.000)	(5.962.000.000)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
	227.696.681.948	227.694.205.990			260.994.868.294	260.994.868.294

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

^[1] Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 16/12/2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA bao gồm các điều khoản như sau:

- Mục đích tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Madaguil, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam.

- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 137.960.000.000 VND.

- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 3 năm ân hạn, thực hiện theo 34 bán niên bằng nhau vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm.

- Lãi suất vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 3%/năm; Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà không trả cho đến ngày thực trả nếu chậm từ 15 ngày trở lên.

- Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016 là 80.485.918.373 VND, nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 5.962.000.000 VND.

^[2] Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài Chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 28/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA bao gồm các điều khoản như sau:

- Mục đích tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước: Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị;

- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 13.184.521 USD (tương đương 274.422.627.526 VND tại thời điểm phê duyệt);

- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 5 năm ân hạn, thực hiện theo 30 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm;

- Lãi suất cho vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 6,75%/năm, cộng phí cho vay lại 0,2%/năm cho khoản tiền vay đã giải ngân và số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà ko trả cho đến ngày thực trả;

- Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016 là: 186.393.135.744 VND và 3.414,4 USD tương ứng 77.814.177 VND.

30
C
ACH
ANC
A
DAN
07
NP
IGI
QU
-T

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	207.821.547.438	543.607.360	217.013.439	-	-	-	-	-	-	-	-	49.093.603.837	-	257.675.772.074
Tăng do nhận Bàn giao TSCĐ từ nguồn vốn Ngân sách	900.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(900.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.530.936.679	-	-	-	3.530.936.679
Tăng do Ngân sách cấp vốn đối ứng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	69.734.157.560	-	69.734.157.560
tiểu dự án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	89.975.853	-	-	-	-	-	-	(137.399.954)	-	-	-	(47.424.101)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.492.577.352)	-	-	-	(2.492.577.352)
Tăng khác	35.274.100	-	-	-	-	-	-	-	-	(271.953.773)	-	-	-	35.274.100
Kết chuyển Lợi nhuận của Xi nghiệp quản lý nước thải vào nguồn kinh phí chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(47.424.101)
Giảm do điều chuyển TSCĐ	(637.645.054)	-	-	-	-	-	-	-	-	(629.005.600)	-	-	-	(637.645.054)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(629.005.600)
Số dư cuối năm trước	208.119.176.484	543.607.360	306.989.292	-	-	-	-	-	-	-	-	117.927.761.397	-	326.897.534.533
Số dư đầu năm nay	208.119.176.484	543.607.360	306.989.292	-	-	-	-	-	-	-	-	117.927.761.397	-	326.897.534.533
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.761.313.445	-	-	-	9.761.313.445
Tăng do Ngân sách cấp vốn đối ứng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	77.261.279.554	-	77.261.279.554
tiểu dự án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	1.442.557.588	-	-	-	-	-	-	(1.442.557.588)	-	-	-	-
Tăng từ Cổ tức năm 2015 của các Công ty liên kết	-	-	-	-	-	665.150.206	-	-	-	-	-	-	-	665.150.206
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	17.542.780	-	-	-	-	-	17.542.780
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.040.662.687)	-	-	-	(8.040.662.687)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành Công ty	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(133.830.306)	-	-	-	(133.830.306)
Kết chuyển Lợi nhuận của Xi nghiệp quản lý nước thải vào nguồn kinh phí chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(144.262.864)	-	-	-	(144.262.864)
Thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc	(20.503.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(20.503.000.000)
Số dư cuối năm nay	187.616.176.484	543.607.360	1.749.546.880	665.150.206	17.542.780	-	195.189.040.951	-	-	-	-	117.927.761.397	-	385.781.064.661

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và Quyết định bổ sung tăng vốn điều lệ số 2852/QĐ-UBND, ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì vốn điều lệ của Công ty là 183.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2016 vốn điều lệ ghi nhận theo sổ sách của Công ty là 187.616.176.484 VND, vượt vốn điều lệ đăng ký là 4.616.176.484 VND. Vốn điều lệ của Công ty sẽ được xác định lại và tương ứng với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi Công ty hoàn tất công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

20. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	1.182.631.914	(55.406.123)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6.089.936.370	6.440.477.058
Chi sự nghiệp	(6.592.539.877)	(5.202.439.021)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	680.028.407	1.182.631.914

Nguồn kinh phí được Ngân sách cấp trong năm chủ yếu là để sử dụng cho hoạt động của Đội quản lý lòng hồ Đankia và hoạt động của Xí nghiệp Quản lý nước thải.

21. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn nhận từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xí nghiệp Quản lý nước thải với nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2016 lần lượt là 204.272.874.638 VND và 94.583.510.662 VND.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
USD	80.108,04	108.315,60

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	150.994.687.286	136.211.163.320
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	6.627.853.744	9.755.527.673
Doanh thu xử lý nước thải	13.059.541.005	14.232.284.381
Doanh thu khác	64.341.818	-
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.746.423.853	160.198.975.374

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	124.078.608.251	116.402.967.001
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	6.216.241.050	8.466.232.164
Giá vốn xử lý nước thải	9.000.982.058	10.480.035.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.825.246)	46.805.568
Giá vốn hoạt động khác	11.231.380	-
	139.301.237.493	135.396.040.104

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	356.815.186	157.148.299
Lãi bán các khoản đầu tư	7.598.309.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.201.150.000	1.345.108.357
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.133.742
	9.156.274.186	1.504.390.398

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.408.858.790	2.428.074.444
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	80.000.000	-
Trích lập / hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(6.754.710)	6.754.710
Chi phí tài chính khác	-	8.370.547
	9.482.104.080	2.443.199.701

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	9.520.000
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4.272.500.628	3.939.994.872
Chi phí khác bằng tiền	208.381.818	-
	4.480.882.446	3.949.514.872

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.790.540	73.825.467
Chi phí nhân công	3.413.956.118	3.989.922.447
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	656.682.512	787.982.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.802.678	113.966.344
Thuế, phí và lệ phí	146.441.675	175.730.573
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	36.006.986	129.633.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.191.924	64.734.055
Chi phí khác bằng tiền	11.724.840.520	10.727.967.351
	16.211.712.953	16.063.762.089

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ phí môi trường và phí nước thải để lại	630.931.165	558.464.447
Thu nhập từ tiền điện các đơn vị khác sử dụng	313.341.909	363.615.283
Thu từ việc bồi thường giải phóng Nhà máy nước Hồ Xuân Hương	5.254.000.000	-
Các khoản khác	150.783.907	448.437.573
	6.349.056.981	1.370.517.303

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí chi trả việc thu hộ phí môi trường và phí nước thải	580.979.448	414.255.525
Chi phí tiền điện cho các đơn vị khác sử dụng	189.534.302	224.442.658
VAT đầu vào tương ứng nước thải thoát vượt định mức	114.495.260	-
Các khoản phạt thuế, vi phạm hành chính	5.778.554	11.638.336
Chi phí bồi thường giải phóng Nhà máy Hồ Xuân Hương	456.262.554	-
Chi phí của các công trình không tiếp tục thi công	3.130.131.417	-
Các khoản khác	75.217.846	205.645.262
	4.552.399.381	855.981.781

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	12.223.418.667	4.365.384.528
Các khoản điều chỉnh tăng	1.288.257.441	241.865.690
- Các khoản chi phí không được trừ	1.288.257.441	241.865.690
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.201.150.000)	(1.345.108.357)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.201.150.000)	(1.345.108.357)
Thu nhập chịu thuế TNDN	12.310.526.108	3.262.141.861
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.462.105.222	717.671.209
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	116.776.640
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(859.720.854)	(777.392.063)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.121.981.892)	(916.776.640)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(519.597.524)	(859.720.854)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.970.190.828	68.245.133.831
Chi phí nhân công	41.713.023.003	41.130.786.969
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	5.323.783.833	4.981.272.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.084.910.325	20.932.592.008
Thuế, phí và lệ phí	187.311.690	193.716.760
Chi phí dự phòng	36.006.986	129.633.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.437.910	333.806.723
Chi phí khác bằng tiền	22.211.123.475	21.768.578.754
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	161.751.788.050	157.715.521.379

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.230.639.876	-	12.620.404.678	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.752.264.748	(604.652.644)	7.747.480.261	(770.545.675)
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	-
Tổng tài sản tài chính	52.982.904.624	(604.652.644)	20.367.884.939	(770.545.675)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	266.956.868.294	233.658.681.948
Phải trả người bán, phải trả khác	44.688.584.351	21.785.447.568
Chi phí phải trả	3.021.210.307	1.326.245.364
	314.666.662.952	256.770.374.880

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

111
ĐỒNG
KIỂM
KIỂM
ASC
1-TP

AM
NG
NG

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.230.639.876	-	-	22.230.639.876
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.146.161.105	1.450.999	-	5.147.612.104
Các khoản cho vay	25.000.000.000			25.000.000.000
Cộng	52.376.800.981	1.450.999	-	52.378.251.980
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.620.404.678	-	-	12.620.404.678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.975.483.587	1.450.999	-	6.976.934.586
Cộng	19.595.888.265	1.450.999	-	19.597.339.264

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	5.962.000.000	260.994.868.294	-	266.956.868.294
Phải trả người bán, phải trả khác	44.288.358.429	400.225.922	-	44.688.584.351
Chi phí phải trả	3.021.210.307	-	-	3.021.210.307
	53.271.568.736	261.395.094.216	-	314.666.662.952
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	5.962.000.000	227.696.681.948	-	233.658.681.948
Phải trả người bán, phải trả khác	21.426.222.857	359.224.711	-	21.785.447.568
Chi phí phải trả	1.326.245.364	-	-	1.326.245.364
	28.714.468.221	228.055.906.659	-	256.770.374.880

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	39.260.186.318	95.248.603.301

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.961.999.972	12.680.039.750

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, phần lớn doanh thu của công ty là doanh thu nước sạch. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

36. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 20/03/2017, UBND Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 534/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng. Theo đó, giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa (không bao gồm giá trị các tài sản của Xi nghiệp quản lý nước thải và Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt): 606.632.494.093 VND. Trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 315.129.240.000 VND. Công ty đang hoàn thiện các công tác còn lại để cổ phần hóa doanh nghiệp.

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc	Công ty con	922.635.000	-
Công ty Cổ phần Cấp Nước và Xây Dựng Di Linh	Công ty con	278.515.000	289.958.357
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Thung Lũng Vàng	Công ty liên kết	-	309.792.046

Số dư tại ngày kết thúc năm kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu khác			
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Công ty con	278.515.000	200.000.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty		1.235.000.000	1.254.386.180

Người lập biểu

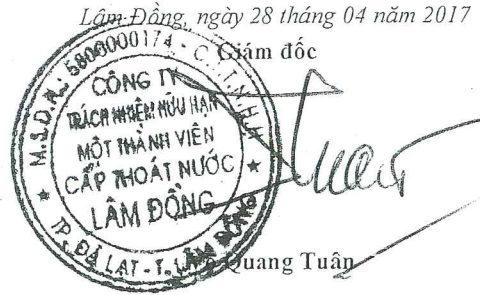
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nguyễn Văn Dũng



CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực 2810.....quyển số 06.....TP/CCSCT/SGT
 Ngày 08...tháng 12...năm 20 17
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Đoàn Quang Lưu



PHẦN II

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Số: 1794 /2017/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 04 năm 2017 trình bày ý kiến về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính riêng, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu, trên các khía cạnh trọng yếu, đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính riêng.

Công việc kiểm tra bao gồm việc tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề tuân thủ có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu trên báo cáo tài chính riêng, cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính riêng, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính riêng trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.



Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tri duy tri hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập không còn chứa đựng các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**CÔNG TY TNHH
HÀNG KIỂM TOÁN AASC**



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán

số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán

số: 0762-2013-002-1

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2861...quyển số 06.....TP/CCSCT/SGT

Ngày 08 tháng 12 năm 20 17

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Đoàn Quang Lưu



PHẦN III

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

Số: 1794/2017/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 04 năm 2017 trình bày ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính riêng, chúng tôi đã kiểm tra việc tuân thủ các điều khoản của Hiệp định tín dụng số 4948, Hiệp định tín dụng số 5817 - VN, Hiệp định vay số 8621 - VN, pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 ("Yêu cầu").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định và các điều khoản có liên quan đến Yêu cầu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các Yêu cầu dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000 (Sửa đổi). Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo báo cáo về tính tuân thủ với những Yêu cầu bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng đánh giá mọi hoạt động của Công ty có chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo Yêu cầu của Công ty hay không, bao gồm việc tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo Yêu cầu của Công ty. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**CÔNG TY TNHH
HÀNG KIỂM TOÁN AASC**



Nguyễn Phan Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán

số: 0063-2013-002-1

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
chứng thực 2862 quyển số 06 TP/CCSCT/SGT
Ngày 08 tháng 12 năm 2017
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán

số: 0762-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017



Đoàn Quang Lưu



PHẦN IV

Thư quản lý

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng
Số 14, Quang Trung - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam

Thưa Quý Ban,

Chúng tôi đã hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ, cũng như đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, các quy định và điều khoản của hiệp định tài trợ.

Theo đó, chúng tôi xin gửi kèm theo đây các vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán cùng với các đề xuất. Chúng tôi đã thảo luận các vấn đề này với Ban Giám đốc và những ý kiến trả lời cũng đã được nêu trong Thư này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ban lãnh đạo Công ty trong thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục hợp tác làm việc với Quý Ban trong thời gian tới, cũng như sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác.



Kính thư



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2863... quyển số 06... TP/CCSCT/SGT
Ngày 28... tháng 12... năm 20 17
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Đoàn Quang Lưu



1. Quản lý Sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính của Ban quản lý dự án cấp nước và thoát nước Thành phố Đà Lạt

Kiểm tra và ảnh hưởng

Ban quản lý dự án cấp nước và thoát nước thành phố Đà Lạt (BQLDA) không mở sổ kế toán riêng mà thực hiện ghi chép chung với sổ kế toán của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Báo cáo tài chính của BQLDA lại không được lập bằng phần mềm kế toán tương ứng dẫn đến tình trạng giữa sổ kế toán và Báo cáo tài chính của BQLDA không khớp nhau. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên Báo cáo tài chính cũng như tiến độ và hiệu quả của việc cung cấp thông tin qua Báo cáo tài chính của BQLDA.

Đề xuất

Công ty cần tách sổ kế toán chi tiết để hạch toán riêng chi phí của BQLDA và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Định kỳ hoặc khi kết thúc niên độ kế toán thì kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết cần rà soát đối chiếu để đảm bảo giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính được khớp đúng.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán.

Đ:
VĂN
ĐỒNG
NQ
-7

2. Quản lý và hạch toán chi phí

Kiểm tra và ảnh hưởng

Một số hóa đơn chi phí viết sai tên công ty như: Hóa đơn GTGT số 0007142 ngày 29/01/2016, Hóa đơn GTGT số 0000079 ngày 03/03/2016, Hóa đơn số 0090669 ngày 03/03/2016, Hóa đơn GTGT số 0000377 ngày 08/07/016,... Thông tin trên Hóa đơn phản ánh không chính xác sẽ làm cho thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ và chi phí tương ứng không được trừ khi xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đề xuất

Công ty cần kiểm tra các Hóa đơn GTGT phải phản ánh đầy đủ và chính xác các thông tin theo quy định của Pháp luật Thuế.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán.

3100
C
TRÁCH N
LÀNG K
AA
TƯ KIỂM

07
PI
C
JAI
L

3. Quản lý và sử dụng Hàng tồn kho

Kiểm tra và ảnh hưởng

Số dư hàng tồn kho tại 31/12/2016 chủ yếu là hàng tồn kho tồn đọng từ các năm trước, chậm luân chuyển. Trong đó: Nguyên vật liệu tồn kho từ lâu còn đến 31/12/2016 là 5.310.795.829 VND chiếm 45% tổng giá trị nguyên vật liệu; Giá trị công cụ dụng cụ tồn đọng từ lâu là 568.401.141 VND chiếm 72% tổng giá trị công cụ dụng cụ. Hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển với giá trị lớn sẽ làm cho nguồn vốn của công ty bị ứ đọng, làm giảm hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đề xuất

Công ty cần kiểm tra và có biện pháp sử dụng, xử lý đối với những hàng tồn kho chậm luân chuyển nói trên.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán.

7/1
10
H
16
AN

4. Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước

STT	Các vấn đề đã khuyến nghị năm 2015	Tình hình thực hiện năm nay
1	Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận liên quan đến các Tài sản cố định hoàn thành nhằm đẩy nhanh quá trình này để kịp thời phản ánh nguyên giá của các Tài sản này vào sổ sách kế toán.	Đã thực hiện.
2	Công ty cần tách sổ kế toán chi tiết để hạch toán riêng chi phí của BQLDA và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Định kỳ hoặc khi kết thúc niên độ kế toán thì kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết cần rà soát đối chiếu để đảm bảo giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính được khớp đúng.	Chưa thực hiện.
3	Các khoản công nợ phải thu, phải trả cần được đối chiếu, xác nhận định kỳ, đặc biệt là tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đồng thời, Công ty thực hiện ngay việc rà soát xác nhận, đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ phát sinh từ trước 31/12/2013 để đánh giá tổng thể khả năng thanh toán, thu hồi nợ, từ đó có hướng xử lý kịp thời.	Đã thực hiện một phần.

